

Ngày 30/09/2025	28,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.9%	0.9%	-7.4%

	Q3/25	
ROE	9.9%	+/- YoY ▼ 0.1%

	Q3/25		
DT thuần	716	QoQ	YoY
		▼ 90.0	▼ 24.0
		▼ 11.1%	▼ 3.2%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	2,114	YoY
		▼ 60.0
		▼ 2.8%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	202	QoQ	YoY
		▼ 38.0	▼ 4.00
		▼ 15.8%	▼ 1.9%
	tỷ VNĐ		

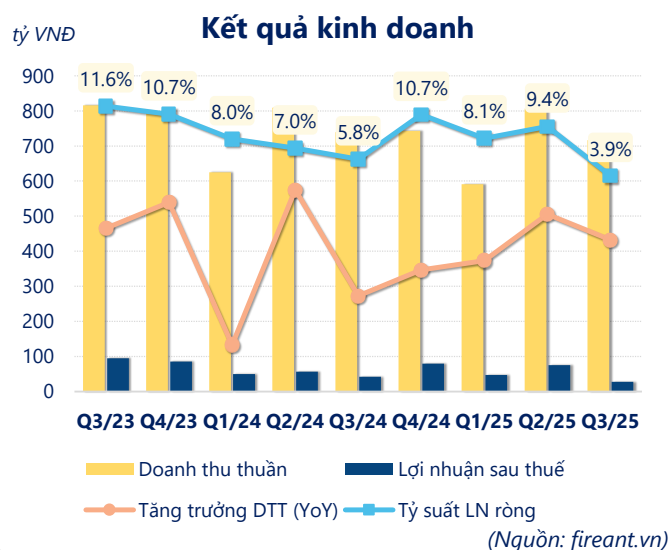
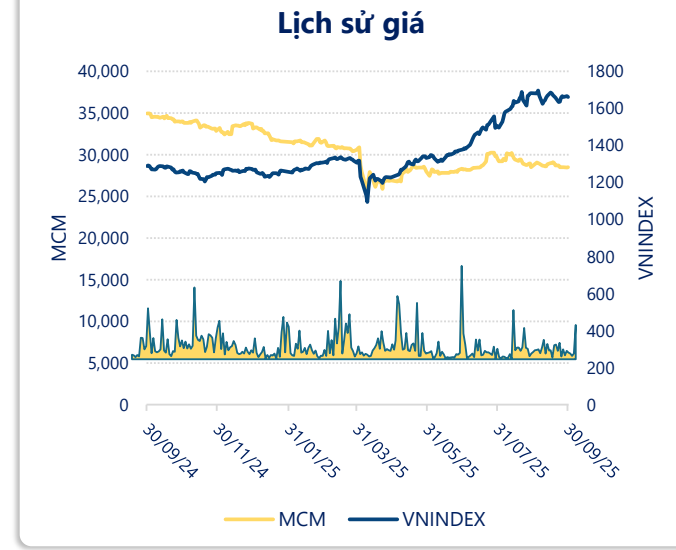
	9T 2025	
LN gộp	587	YoY
		▼ 44.0
		▼ 6.9%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	36.1	QoQ	YoY
		▼ 51.2	▼ 15.0
		▼ 58.6%	▼ 29.3%
	tỷ VNĐ		

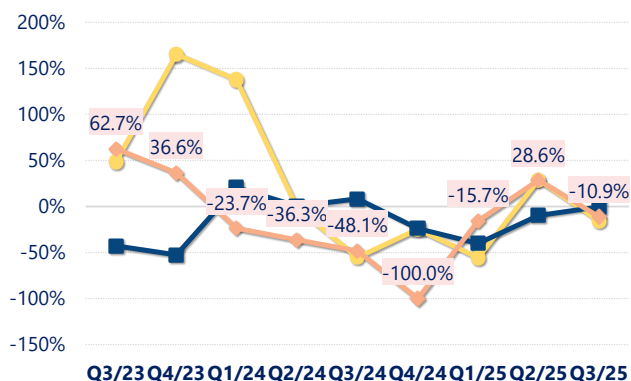
	9T 2025	
LN thuần	179	YoY
		▲ 3.00
		▲ 1.7%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	28.1	QoQ	YoY
		▼ 47.6	▼ 14.5
		▼ 62.9%	▼ 34.1%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	152	YoY
		▲ 3.00
		▲ 1.8%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

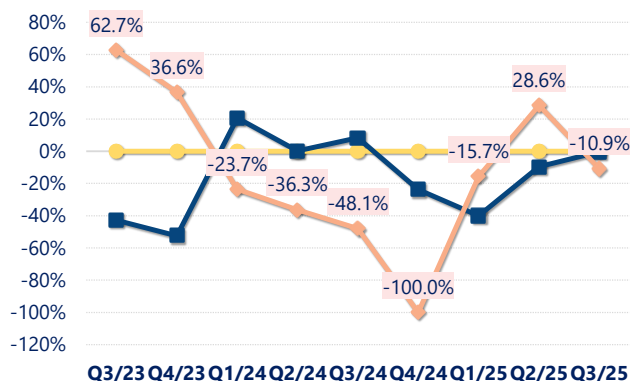


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

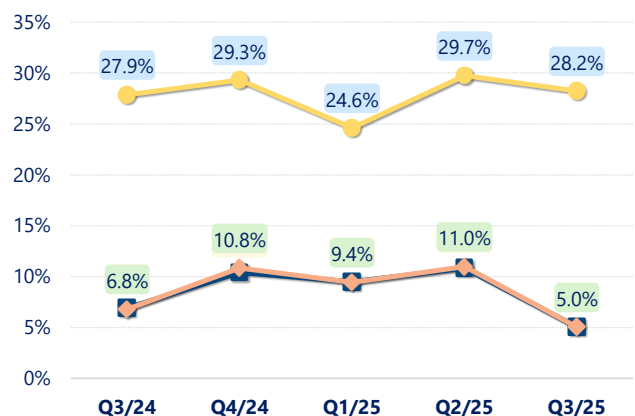


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

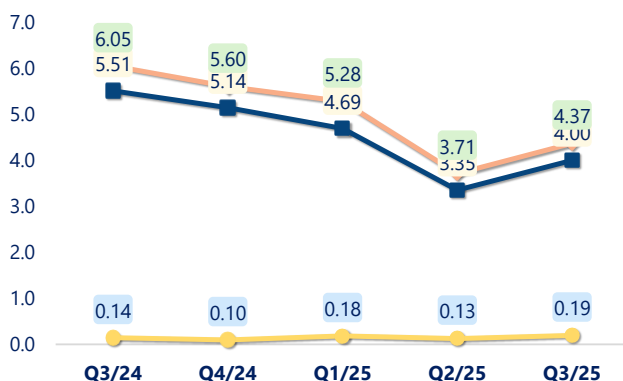


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ suất LN góp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

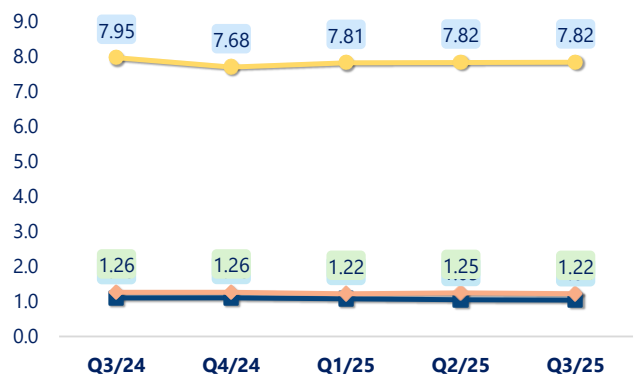


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

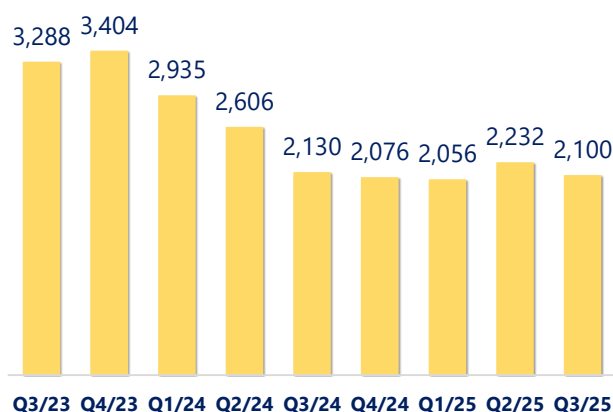


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	716	740	-3.2%	2,114	2,174	-2.8%
Giá vốn hàng bán	514	534	-3.7%	1,526	1,543	-1.1%
Lợi nhuận gộp	202	206	-1.9%	587	631	-6.9%
Doanh thu HĐTC	25.9	23.7	9.4%	78.1	75.8	3.0%
Chi phí TC	1.70	0.57	198%	5.13	0.58	789%
Chi phí lãi vay	1.69	0.57	197%	4.84	0.57	742%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	182	170	7.1%	453	503	-9.9%
Chi phí QLDN	8.25	8.65	-4.7%	27.6	26.7	3.1%
LN thuần từ HĐKD	36.1	51.1	-29.3%	179	176	1.7%
Lợi nhuận khác	-1.67	-1.30	-28.1%	-3.79	-3.76	-0.7%
LN trước thuế	34.5	49.8	-30.8%	176	173	1.7%
Lợi nhuận sau thuế	28.1	42.6	-34.1%	152	149	1.8%
LNST của CĐ cty mẹ	28.1	42.6	-34.1%	152	149	1.8%

(Nguồn: fireant.vn)

